

CHƯƠNG III

VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Ca dao, Tục ngữ

Xây dựng quê hương: văn học dân gian làng Phong Lệ ra đời ngay từ khi thành lập làng và hòa chung vào dòng văn học dân gian Huyện Hòa Vang, của đất Quảng, trong đó phản ánh quá trình đấu tranh xây dựng quê hương Phong Lệ ngay từ khi cùng các chư phái tộc trong làng định cư tại đất này lập nên làng. Làng Đà Ly xưa kia là một làng rộng, do đó những câu ca dao, tục ngữ ra đời được lưu diễn đi nhiều nơi thông qua phương thức hò hát, sinh hoạt văn nghệ làng xóm đến nay vẫn còn gặp tại các làng, xã chia cắt ra từ làng Phong Lệ cũ.

-Phong Lệ Mục đồng
Giáng Đông đấu vật¹

-Nhất La Qua,
Nhì Tú Trà,
Ba Phong Lệ.

Tổ chức làng xã được thành lập, trước hết là xây dựng gia đình vững mạnh, bởi gia đình được xem là thành tố quan trọng của xã hội, ngày nay người ta thường nói *gia đình là tế bào xã*

¹ Phong Lệ: xưa là một xã hiệu bao gồm một vùng rộng lớn. nay là thôn Phong Nam thuộc xã Hoà Châu, huyện Hoà vang. Giáng Đông: xưa là đất thuộc Phong Lệ xã, nay là thôn Giáng Đông thuộc xã Hoà Phước, huyện Hoà vang, thành phố Đà Nẵng.

hội, gia đình liên kết cùng dòng họ, xóm, làng, tạo nên thế mạnh trong tổ chức làng xã tại Phong Lệ. Từ gia đình đến xóm, làng tiến đến thiết lập mối quan hệ liên xóm, liên làng, tạo nên sức mạnh nội sinh của cộng đồng làng xã. Điều này về sau làng xã có thể cắt ra hoặc nhập lại vẫn có thể tiến hành được và người dân trong làng xem đó là chuyện bình thường, dễ chấp nhận mà không có sự khác biệt về giao lưu văn hóa, các phong tục, tập quán khác của người dân. Trong làng xã cổ truyền Phong Lệ nói riêng, kết cấu giai cấp, giai tầng trong xã hội (đặc biệt trong một làng) rất khó phân biệt. Hoạt động kinh tế trong một làng thường đan xen và đôi khi tiến hành song song cùng với hoạt động chính trị, cả hai mặt thường xuyên tác động lẫn nhau, do đó đã hạn chế sự phân cực trong làng.

Sự liên kết trong quá trình phát triển hai mặt chính trị và kinh tế trong làng biểu hiện qua hệ thống tri thức do tập thể của người dân trong làng sáng tạo nên nhằm nhấn nhe nhau:

- Cá mèi Sông Yên

Cá liên Phú Túc.

- Mây chiều phủ xuống Sơn Chà

Sấm rền Non Nước trời ãa chuyển mưa.

- Móng Cu Đê

Chạy về dọn gác

...

Thành lập được ngôi làng Phong Lệ vào thế kỷ thứ XIV, XV nhất thiết phải có bộ máy để lãnh đạo nhân dân và cùng với nhân dân khai hoang vỡ hóa, tổ chức sản xuất, mở rộng làng xóm thêm ra. Những truyền thuyết, giai thoại xuất hiện

tại làng Phong Lệ như đắp con kênh Tây An, dẫn nước từ sông Yên về tưới cho cánh đồng Phong Nam thời Ông Ích Khiêm đã in sâu trong tâm thức người dân làng Phong Lệ. Hay những năm đầu nhân dân Quảng Nam – Đà Nẵng đánh Pháp, dưới sự chỉ huy của tướng Nguyễn Tri Phương, Ông Ích Khiêm đã mưu kế sáng tạo ra cách đánh giặc dựa vào đặc điểm địa phương bằng trận mù u đánh Pháp năm 1858 do đích thân Tiểu tướng Ông Ích Khiêm chỉ huy, đã làm cho quân Pháp hoảng loạn. Trận chiến hũ đuốc tương truyền do Ông Ích Khiêm bày mưu trên sông Cẩm Lệ - Cỏ Cò đã gây cho quân Pháp hoang mang, nghi vấn đến vỡ trận đánh ... Tất cả được thể hiện trong dòng văn học dân gian, tập trung phản ánh chủ đề bảo vệ và xây dựng quê hương làng Phong Lệ.

Xây dựng văn hóa làng: để có nơi sinh hoạt văn hóa, người Phong Lệ trước hết vận động nhân dân xây dựng các thiết chế văn hóa hoàn chỉnh, trở thành một hệ thống phân bố đều khắp trong làng, nhưng tiêu chí chủ yếu vẫn tập trung vào giữa làng. Ngoài các thiết chế văn hóa chung của làng còn có nhà thờ tộc họ, và không chỉ tộc họ mà còn các chi phái tộc cũng làm nhà thờ để thờ cúng ông bà nhưng đồng thời đó còn là nơi cho con em trong giòng tộc sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu vừa sinh hoạt vừa hưởng thụ đời sống tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Bởi tại đình làng, hay nhà thờ tộc họ thường có tổ chức sinh hoạt văn nghệ làng xã, theo đó tạo nên nền nếp sinh hoạt cho nhân dân. Tại đình cũng là nơi diễn ra các buổi hát bội, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn nghệ của người dân.

Đình làng vẫn là cơ sở văn hóa trung tâm làng, bởi đình được xem là biểu tượng lịch sử, văn hóa của làng, nơi đó nhân dân trong làng gửi gắm niềm tin, xin thần linh và các lực lượng

siêu nhiên giúp đỡ cho người dân thường xuyên được an cư lạc nghiệp, phát văn, phát võ...Đình còn là nơi củng cố tinh thần đoàn kết trong làng, xóm, nơi có thể giao lưu với các lực lượng siêu nhiên thường giúp đỡ người dân vươn lên trong cuộc sống, nhưng đồng thời cũng làm cản trở con người phát triển. Thế nên giao lưu với các lực lượng thần linh tại đình được xem là một động lực tinh thần giúp con người tin tưởng hơn trong cuộc sống sản xuất nông nghiệp vốn không thuận lợi, do phụ thuộc vào thiên nhiên.

2. Hát hò khoan

Là địa phương chuyên về nông nghiệp, lấy lúa nước làm trọng nên sinh hoạt văn nghệ làng xã ra đời và gắn liền với ruộng đồng bờ bãi. Lại thêm Phong Lệ cũng nằm trong cái nôi của hát hò khoan nên những khi nhỏ mộng dưới đêm trăng, tát nước, cấy đêm, xâu thuốc, bứt đậu, đập lúa, người dân Phong Lệ thường giải khuây bằng hát qua, đối lại là phương thức giải bày tâm tư tình cảm với nhau. Hát riết, rồi đâm ra thuộc, ra quen nhớ lâu, đến nay mặc dầu xã hội đã phát triển, cơ sở xã hội nông nghiệp lạc hậu ngày xưa không còn nữa, nhưng hát hò khoan đối đáp vẫn còn. Không chỉ làng Phong Lệ mà nhiều làng trên đất Quảng hiện tượng sinh hoạt văn nghệ làng xã này vẫn tiếp tục đi cùng người dân. Đôi khi lên sân khấu cách điệu, hoặc được “dàn dựng công phu” dưới ánh đèn màu sân khấu, lung linh âm thanh hai, ba chiều để hát hò khoan.

Tuy vậy, về làng quê dân dã, hãy nghe những câu hát về nỗi niềm mỗi mòn chờ đợi, hao gầy xuân sắc của đôi thanh niên:

*Ngọn gió xoay mà cây không ngã
Đến khi gió dừng, sao ủa lạ, cây xiêu
Nhìn xem con én dập dìu
Cây tùng kia tróc gốc
còn chi mai chiều con nhận đứng trông*

Thường trong hát hò khoan đôi đáp huê tình, tỉ lệ hát về tình yêu nam nữ chiếm phần lớn trong các cuộc hát hò. Giống như những cuộc hát hò khoan xứ Quảng, Người Phong Lệ cũng bắt đầu không định trước như là xuất hiện trong vô thức lời chào cao hơn mâm cỗ, theo đó họ gặp nhau và mở lời chào.

*Ta mở lời chào gió chào trăng
Chào hòn Núi Chúa, chào băng qua Sơn Chà.*

Hoặc là:

*Tai nghe súng nổ cái đùng
Thuyền quyền đổ mặt anh hùng ngã nghiêng.
Kẻ nói bắn đá Non Nước
Người nói đào vàng Bông Miêu,
Mở lời thưa lại với bằng liêu
Đây là thuyền quyền dĩ lỗ không phải đũa liêu
đừng bia danh.*

Sau lời chào là đoạn vào cuộc, đến hát đố, hát xạo và trọng tâm của cuộc hát hò khoan là chặng hát nhân ngãi. Đoạn hát nhân ngãi giữa lúc đêm khuya và thời gia cũng được kéo giãn ra dài nhất. Lúc này có thể có đôi tâm tình nào đó ăn ý nhau, họ tách riêng ra khỏi cuộc hát hò để tâm sự với nhau qua phương thức khác chẳng hạn hát ống là một ví dụ.

Trong hát hò khoan đôi đáp chặng hát nhân ngãi là quan trọng, là trọng tâm chờ đợi của thanh niên nam nữ làng.

Sau hát nhân ngãi là *giã bạn*. Vào chặng này buồn vương thương nhớ băng quơ:

*Bạn ra về lòng ta khô ta héo
Bạn ra về không lẽ ta réo, ta la
Chậm chạp ta nói nhỏ điều này
Ai xa mực họ, hai đứa mình đừng xa!*

Lời thương nảo nùng mà trong veo như chưa kịp khô nét mực, ta có cảm tưởng đây là giọng thơ hiện đại, sắc sảo tài tình của thi nhân làng xã.

Cứ thế, họ “tri âm”. Hay nói cách khác, là họ có người đề khơi mạch hát, làm cho tình cảm luôn liên tưởng đến sự gắn bó với nhau (chưa nói thủy chung hay, thân thiết) một thời hò khoan trên đất Phong Lệ cũ ngày xưa. Cứ như thế, có khi hát, có lúc lại thỉnh thoảng đọc. Hàng trăm câu hò khoan như tuông chảy, người nghe cảm nhận tình người như mạch nguồn tươi mát, với chất giọng nhạt khoan không chuyên nhưng với họ đã là chuyện *văn nghệ văn gừng* thành công ngoài mong đợi của những đêm trăng sáng đổ xuống làng quê của họ. Đôi lúc họ dừng lại, quệt vôi tằm trầu mời nhau để có cớ mà hát tiếp. Các cô môi thắm đỏ au môi trầu, lơ lửng với kiến tạy của cánh đàn trai. Âm bậc ngũ cung thả xuống chơi vơi, lung linh theo ánh trăng đổ xuống đầu hè mát lịm.

Rồi những lời khuyên thấm thía sâu nặng nghĩa tình, ta bắt gặp được lời ca dao không đứng ngoài hoàn cảnh lịch sử. Tính khái thị trực quan hoặc thông qua ngôn ngữ “cồng rắn...

rước voi...” đã mở rộng biên độ hiểu rõ những yêu cầu lịch sử, hồn dân tộc, nước non nhà:

*Khuyên chàng nghệ kỹ chớ sai
Vị hồn nước Việt, làm trai phải gìn
Đừng nghe chi lũ bù nhìn
Rước voi dày mộ tổ tiên cho đành
Gà nhà công rắn cầu danh
Vinh nào chẳng thấy, nhục đành muôn thu
Mau ta về với Bác Hồ
Kìa hai lăm triệu điểm tô sơn hà
Cướp súng đạn, đuổi giặc ra
Bao nhiêu vũ khí mang về lập công
Hồ Chủ Tịch rất khoan hồng
Trăm năm tạc một chữ đồng đừng phai*

Lời khuyên, lời kêu gọi, toát lên tính truyền thống nhân đạo, khoan dung rộng lượng.

*Ra đi cứu nước trung trinh
Chỉ huy trung đội bước đều một hai
Trên đầu đội nón lưới gai
Vai mang súng máy, lưng đai đạn chì
Phen này tỏ thật với nữ nhi
Khuyên em yên dạ một khi anh lên đường*

Nhiều câu hát hóm hỉnh *cắc có*. trêu chọc, hời hợt lại cái thời còn con gái nghịch ngợm, vì lời *ngổ ngáo* của một chàng trai nào đó. Không chú ý xác lập nhưng tính nghệ thuật được thể hiện đối đáp hô - ứng nhịp nhàng, những người tham

dự đêm hát hò khoan tự khám phá ra ngôn ngữ ẩn dụ trong những câu hò hát.

*-Hỏi thăm anh ở huyện nào?
Nói cho tui biết tui trao cái “ngao” cho cầm
Cầm về bỏ ảng mà ngâm
Nước ra sắc uống,
cái “ngao” cầm mà chơi!*

*-Đem về để đặng chờ khi
Gặp hội “cao hứng”, giải ngay cấp thời
Khi mô có rảnh, có ròi
Sắc ra đôi chút mà mời mẩu thân
Sắc ròi tắm với nước gừng
Nói của thằng rể quý đem dâng cho mẹ già.*

...

Và từ những đêm hò khoan đối đáp xưa, người đời nay theo đó gợi lại cảm xúc qua những câu thơ:

*“...Em là gái chân quê
Tóc dài xanh như mộng
Hoa lúa vương vai những chiều xuân đậm
Lúa mát đường thơm
Kĩu kịt trên vai tình non nước
Quê ta có giếng nước ngọt lành
Soi bóng hàng tre
Đầu làng
Ngạo nghệ!
Em là gái chân quê
Thăm thăm trời xuân*

*Nhạc quê hương
Giai điệu
Muôn đời!
Quê ta sau những năm dài nay sống lại
Buổi hội hè
Đình đám
Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông hát vật
Gái Phong Lệ
Trai Giáng Đông
Gặp nhau
Dùng dằng gỏi miếng trầu cau
Trao nhau điệu hò khoan ba lý...*

*Điệu hò khoan mẹ hát ngày nào còn đó
Tiếng em vang vọng cuộc đời còn đây
Là tất cả
Trái tim ta đó...*

*Anh sẽ đến với em
Dù có xa gần
Sẽ nói thật
Những điều suy nghĩ
Như trang thư này
Anh đã nói cùng em:
Bài ca hy vọng gởi mai sau²”.*

² Thơ Cẩm Lệ.

3. Nói về

Vè là thể loại phát triển mạnh và để lại nhiều dấu ấn tại xứ Quảng, trước hết là đất ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Thuận Quảng, Quảng Nam, Quảng Ngãi) sau đó có thể nói rằng đất Quảng Nam tiếp tục phát triển mạnh thể loại này và đã ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Vè được kể chuyện bằng loại văn vần, được diễn xướng trong nhân dân bằng hình thức nói hoặc kể, phản ánh sinh động và nhanh chóng hiện thực tại một địa phương, Thông qua thể loại vè, biểu hiện thái độ khen chê của nhân dân về một đối tượng nào đó cụ thể.

Vè rất mạnh về tính thời sự, phản ánh người thật việc thật nên vè có thể được xem là một loại “báo chí” bằng miệng, là báo nói thể hiện tính nhanh nhạy của thể loại này đối với hiện thực cuộc sống của nhân dân. Do vậy tính chất địa phương, tính chân thật, mộc mạc được phản ánh, đôi khi không gieo vần, không trau chuốt câu chữ là đặc điểm của vè. Nhân dân làng Phong Lệ cũng không ngoài tính chất chung đó. Vè có thể là câu bốn chữ, lục bát, phổ biến hơn cả vẫn là lối lục bát. Đề tài vè tại làng Phong Lệ xưa thường phản ánh sinh hoạt của nhân dân như giữ trâu, bảo lụt, đi ở, làm thuê... và vè về các sinh hoạt xã hội chống thói hư tật xấu... Đây là loại vè thế sự.

Bên cạnh còn có loại vè phản ánh trong phạm vi rộng hơn, phản ánh con người của làng, của vùng có ảnh hưởng rộng đến quần chúng nhân dân như vè đánh Pháp, vè Khâm sai, ... nhân dân thường đặt vè kể lại chuyện vừa xảy ra trong làng, trong vùng nhưng đồng thời cũng kể lại chuyện đã qua có tác dụng

nêu gương, hoặc phê phán nhằm giáo dục con người trong làng sống tốt hơn, đẹp hơn, làm những việc có lợi ích cho làng.

Nhưng có điều tại sao thơ (tất cả các thể loại) lại có thể đem ra ngâm, hát ngâm nga trên sân nhà, lên sân khấu được. Đề ngâm, lại có đàn sáo đệm nâng hơi, đưa lời... mà về lại không thể thực hiện được ngâm hay hát trước công chúng mà chỉ có *nói về* hoặc *kể về* với cái sinh nhỏ khở nhịp để ngắt hơi, lấy giọng mà thôi? Người dân làng Phong Lệ xưa kia khi thể loại về phát triển vẫn không ngoài cách diễn xướng đó.

Trước, sau trong diễn xướng, thực hành thể loại văn nghệ dân gian này, về vẫn chỉ độc một cách là nói, nói theo pho theo lớp lang là hình thức kể chuyện. Do vậy, về không lên sân khấu được mà nhường chỗ cho bài chòi, hát giao duyên đối đáp huê tình, hát lý và nhường cho thể loại ra đời sau là lô tô... cũng hóa trang lên sân khấu trình diễn trước công chúng trong những lần sinh hoạt văn nghệ làng xã, hội hè, tết nhứt. Thậm chí lên nhiều lần, nhiều đợt nên hô bài chòi đã biến thành ca kịch bài chòi hội nào không rõ! Nhưng về cho dù có nói khắp cùng các chợ làng, chợ tỉnh, hay trong những lần lễ hội đình làng, hội làng vẫn không thể nào thoát vai lên sân khấu được mà chỉ nói hoặc kể về tại các hàng quán. Cơ chế ấy do đâu?

Tìm hiểu đặc trưng thể loại về qua phương thức biểu hiện tại làng Phong Lệ (hoặc chung cho các làng tại đất Quảng), về có thể biểu đạt nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống con người cả phương diện thế sự và lịch sử, chi tiết hơn có thể phản ánh các loại vật, hoa, cây cỏ, quan hệ con người, thói hư tật xấu, cả về thời tiết ..., về cũng phản ánh được; đồng thời

về tại Phong Lệ cũng phản ảnh chân thật tình hình sống, chiến đấu của nhân dân xứ Quảng xưa nay. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, về phản ảnh khí thế đấu tranh của nhân dân, động viên thanh niên lên đường ra ra trận, theo đó về góp phần rất lớn trong công tác dân vận, thanh vận, binh vận, địch vận, giúp động viên nhân dân đứng lên đánh giặc, giữ đất, giữ làng, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Trong dân gian, sinh hoạt thường ngày tại làng xóm cho thấy rằng, khi đứng trước một vấn đề không thể không nói, không phê phán hoặc không động viên thì không thể nào không nói và không thể nói khác đi được, theo đó, cách nói tự nhiên sẽ thể hiện rõ mức độ là truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ nhất, phản ánh sinh động, chân thật nhất các hiện tượng, sự việc xảy ra trong làng. Trong điều kiện đó về gần với ngôn ngữ nói thường ngày của nhân dân nhiều hơn. Điều chúng ta nhận ra rằng về khác thơ ở chỗ, thơ luôn là sự kết hợp các yếu tố khu biệt, nghĩa là đã bỏ đi yếu tố ngôn ngữ dư (hoặc thừa) ra khỏi văn bản thơ, trong khi đó về dung nạp tất cả các yếu tố ngôn ngữ dư để làm chức năng giải thích thông tin được nêu ra trong văn bản. Do đó, về thường chứa nhiều yếu tố ngôn ngữ dư hơn thơ. Ở thơ, ta thường gặp “ý tại ngôn ngoại” nhưng về thì không. Điều này đã làm cho thơ cần phải ngâm lên, bằng kỹ thuật đưa lời, lại còn các loại nhạc khí sáo, đàn kèm theo... thì thơ mới hay, mới truyền cảm và vì để tái hiện lại nét dư trong thơ nên khi ngâm, các nghệ sĩ diễn ngâm thường dừng lại những chỗ trong văn bản thơ đã bỏ đi yếu tố có ngôn ngữ dư. Thơ ngâm lên được là vì vậy. Còn về không ngâm bởi vì thể loại cho phép có nhiều nét dư trong văn bản nên để biểu đạt lượng thông tin chính xác nhất và do đó đọc về lên ai cũng có thể hiểu được

lượng thông tin có trong vè. Vè vì vậy không phải ngâm mà chỉ cần nói vè là được. Nhưng nói để dễ nghe, đôi khi vè vẫn trang bị cho mình yếu tố vần (có thể là vần lưng, vần chân, vần vò) – cái làm nên sự xô đẩy trong tiết tấu vè – làm cho ý trước không thể không xuất hiện ý liền kề trong một quan hệ ngữ đoạn, liên kết với ý dưới một cách có nghĩa, chấp nhận được mà chưa phải qua đường dây liên hệ tạm thời để phán đoán, phân tích trước khi tái hiện.

Vè cho phép các yếu tố kết hợp có nghĩa liên tục xuất hiện nhằm giải thích hoặc phê phán các hiện tượng, sự việc một cách tường tận xảy ra trong làng mà không cần phải thông qua quy trình chuyển nghĩa để hiểu. Cho nên vè dễ hiểu, nhờ vào các yếu tố dư dẫn dắt, làm chức năng giải thích, thông báo mà người nghe theo đó lần theo không phải suy nghĩ đắn đo để giải mã. Tại Phong Lệ vẫn còn lưu hành trong nhân dân bài vè *Đầy tớ*, phản ánh đời sống khổ cực, thân phận làm thuê, tôi đòi của giới mục đồng và không chỉ làm thuê giữ trâu, bò mà còn cuốc ruộng, cày bừa, gặt đập...những công việc nhà nông đều phải làm cho nhà chủ, theo mùa vụ mà không được từ chối:

*Ve ve bắt vè đầy tớ
Tôi ở với cậu mợ một năm
Cậu mắng, mợ chửi, tôi đà nhịn thua
Nói ra chỗ đại, (mà) nói lại ra chỗ cơ cầu
(Chớ) công thường lờng gạo
Com nấu một bữa nửa niêu
(Mà) tôi ở với cậu mợ không phải ở năm ở đời!
Cậu mợ sợ tiếng đồn thay
Cho tui ở mướn cày cấy đầu năm*

*Chưa chi (mà) đã rõ tiếng tăm
(Hề) trâu leo bờ ruộng, cẩu ngăm đánh đòn...*

Vè là một thể loại văn học dân gian, được diễn xướng trong cộng đồng thông qua các nghệ nhân trong làng, xã. Vè theo chân các nghệ nhân dân gian đi nói vè tại các tụ điểm đông người. Dần về sau, vè cùng với cặp sênh (sinh tiền) gõ nhịp, đưa lời, đôi khi các nghệ nhân khéo léo đưa làn điệu vào vè để nói vè có hơi thở của “văn nghệ”, và biến một cuộc nói vè có phần hấp dẫn hơn trước đám đông người qua lại. Nói vè trở thành một loại hình diễn xướng dân gian rất hấp dẫn và phát triển không chỉ tại làng tại Phong Lệ mà còn tại đất Quảng một thời. Khi nói vè, người thường hay đi nói cũng được xem như nói vè chuyên nghiệp, dùng cặp sênh tiền như con sứa, được làm bằng tre già, khõ nhịp. Khi nói vè, giữ nhịp bằng cách dùng tay nhịp hai thanh tre vào nhau tạo thành tiếng kêu cóc, cóc gọn lỏn. Một đoạn xa cũng nghe được tín hiệu nói vè.

Trong dân gian làng Phong Lệ, huyện Hoà Vang nay vẫn còn nghe các cụ tại Phong Lệ (cũ), Cẩm Lệ vẫn còn nghe các cụ bà, cụ ông kể về hình thức nói vè. Phần đông nói vè được thực hiện tại chợ Phong Lệ, các hàng quán trong làng, nhưng phần nhiều nơi tập trung đông vẫn là chợ làng. Chợ làng thường đông vào buổi sáng hoặc buổi chiều, hoặc vào những ngày Tết nhứt, hội hè, vè được các nghệ nhân dân gian chuyên nghiệp cầm sênh đi nói vè. Nói vè thường diễn ra tại phiên chợ chiều nhiều hơn phiên chợ sáng, bởi phiên sáng, người đi chợ ít, do phải bận rộn công việc đồng áng nên không có thời giờ ngồi lâu để nghe được nói vè, cho dù nói vè hay đến mấy cũng không thể! Buổi chiều nói vè là hấp dẫn nhất, người đi chợ có thể ngồi, hoặc đứng nghe đến chạng vạng, đò đèn cũng được.

Những dịp như thế bữa cơm tối của gia đình có thể được tổ chức muộn hơn. Và chính bữa cơm tối là lúc về được nói lại lần nữa cho cả nhà nghe, do đó về được nhớ lâu trong nhân dân.

Trong chợ hoặc quán xưa kia thường bán bánh xèo, bánh bèo, mì Quảng, bánh tráng đập... thực khách thường là các bà đi chợ. Tại các địa điểm này chủ bán luôn có nói về để những người đi chợ hoặc ăn qua quýt bát mì, uống bát nước chè xanh, họ vừa ăn vừa nghe về. Đôi khi mua mấy miếng trầu cau cũng có thể ghé lại nghe nói về. Có thể nói, các bà là nghệ nhân nói về đầu tiên trước khi các ông sử dụng loại hình này. Trên địa bàn Phong Lệ rộng lớn xưa, bài về được đem ra nói nhiều tại các quán, chợ làng là bài *Về Thông Tầm*.

Câu mở đầu của một bài về có thể được kể:

*Văn phòng có lúc thành thơ
Ở đời nghĩ thấy việc đời mà ghê
Dạy con kiếm mấy lời quê
Ai ai chí nấy chó chê, đừng cười.*

Sau đó người nói về vào chuyện, trong câu chuyện dài này có đủ công, dung, ngôn, hạnh:

*Thứ nhất kể sự làm người
Dầu no, dầu đói cho tươi mặt mày
Bữa ăn phải để tháng ngày
Thực khuya dậy sớm cho tay người ta
Gái thời dọn dẹp trong nhà
Hình dung yếu điệu nét na điệu dàng
Khi ăn khi nói chừng chàn
Khi ngồi khi đứng bỉ bàng dung nghi...*

Đã có *gái thời*:

*Gái thời yếu điệu nét na,
Nghề chi cũng giữ trong tay một nghề*

thì phải có *trai thời* nữa. Trai thời chắc chắn thời ấy được khuyen:

*Văn chương chữ nghĩa cho tường,
Trai ôm quyển sách ra đi cho biết điều khôn sự đại,
Chàng ôm quyển sách ra đi cho biết điều phải sự không.*

Thế nên, ngày trước người Phong Lệ ra chợ, ra làng được xem như ra khỏi nhà giao lưu cùng cộng đồng, còn chuyện lên tổng, phủ thì rất khó, chỉ những người đỗ đạt thành danh mà là đàn ông chứ đàn bà dễ đâu ra được làng, lên được tổng, phủ. Ở môi trường diễn ca này, phụ nữ đi chợ thường tụm lại để nghe, nghe lâu thành thuộc. Tại các tụ điểm này, các sự kiện xã hội được các nghệ nhân dân gian nói về đặt ra có vần điệu (hoặc không, hoặc biến thể từ thể thơ lục bát) kể cho mọi người nghe. Chẳng hạn về *cúp tóc*, về *chống sưu thuế*, về *chống quan lại*, về *chống quân xâm lược*, về *thời tiết*, về *thói hư tật xấu*... tất cả sinh hoạt đời thường được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và nói thành về. Có loại về kể về tinh thần yêu nước, về kể lại diễn biến một sự kiện xảy ra trong làng, tổng, huyện như một câu chuyện, có về đề cập đến nhân tình thế thái, về đạo đức, có loại về kêu gọi nhân dân chống sưu cao, thuế nặng, về kể về thân gái dặm trường đường xa dong rui, về dẫn người nghe theo bước chân hành trình dần vào Nam đến tận Sài Gòn...

*Bon hành mua giấy hỏa xa
Bước lên Phong Lệ hột lỵ nhỏ sa từ tòn
Từ tòn xe tới Diêm Sơn*

*Keo sơn hòa ước dạ anh hờn nợ doan*³
Lần hồi xe tới Đông Quan
Quan hà khứ lộ xốn xang lòng phàm...

Chính hình thức nói về dân gian theo nếp sinh hoạt làng xã như đã biết mà hình thức về được bảo lưu và tiếp tục lưu truyền trong dân gian bằng con đường *nói*, đến nay ta mới có cơ sở lưu truyền để sưu tầm, ghi chép lại được.

4. Trò chơi bài chòi

Chỉ đến ngày tết bài chòi mới được tổ chức, tạo điều kiện bà con trong làng, xóm vui chơi chúc tết, cầu được may mắn đầu năm. Bài chòi không chỉ làng Phong Lệ mà tất cả các làng trên đất Quảng đều tổ chức chơi nhân ngày tết, chỉ trừ những làng mới thành lập. Trò giải trí vui Xuân này còn thấy có ở các tỉnh miền Nam Trung – Nam bộ.

Bài chòi được tổ chức tại sân đình Thần Nông hoặc sân Nhà thờ chư phái tộc hoặc trên một miếng đất cạnh chợ Phong Lệ (nay nằm ngay phía bắc đầu Cầu Đỏ) rộng thoáng. Người trong làng hợp lực lại dựng lên 9 cái chòi, gồm 8 chòi con và 1 chòi cái (chòi anh hiệu).

Theo dịch lý, con số 9 là con số thiêng, biểu tượng sự tôn kính, ơn trọng nghĩa dày sâu sắc, như: *Chín chữ cù lao in dạ sắc/ trăm năm sơn hải tạc lòng son; chín khúc ruột, Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều; chín tầng mây xanh, cửu đỉnh, cửu trùng, cửu tuyền...*

³ *Nợ doan*: (từ cô) như nợ duyên.

Số 9 còn là số *lão dương*. Mà trong âm hản đã có dương. Phải chăng vì thế mà trong 30 con của bộ bài chòi, có hai con tượng trưng cho bộ sinh thực khí: nam, đó là con *Nọc thược*, và nữ, đó là con *Bạch Huê*.

Bộ bài chòi gồm có các quân cờ sau đây: *Nhứt trò, nhứt nọc (nọc thược), nhì bí, nhì nghèo, tam quăng, tứ căng, tứ gióng, tứ tượng, ngũ dùm, lục chạng, thất vung, bát bông, cửu điều, cửu chùa, bạch huê, bánh hai, bánh ba, ba bụng, ba gà, ngủ trưa, ngủ trọt, sáu hột, sáu ghe, tám dây, tám tiên, chín cu, chín gói, ông ằm, thái tử, đỗ ruột*. Để cho dễ nhớ, các cụ ta có đặt bài vè:

*Sang tay sót ná là ngã ông ằm
Chân di sập hằm là anh tứ căng
Cái lìn trắng trắng là chị bạch huê
Ăn giã nằm dề là anh chín gói
Ba chìm bảy nổi là chị sáu ghe
Lập bọng lập bè là anh ngũ dùm
Hay đùm hay túm là anh thất vung
Áo rách lung tung, nhì nghèo thiệt khổ
Hay bơi hay mô là chị ba gà
Có ngạnh có chà là anh tứ tượng
Gió bay không rớt, tư móc thiệt hay
Nhắm mắt liệng ngay, tam quăng thiệt giỏi
Khen ai khéo gói bảy hột thiệt ngon
Mặt đỏ như son, cửu điều hực hỡ
Một chồng ba vợ, ba bụng là danh.*

...

Mặc dầu bộ bài gồm 30 con. Nhưng khi chơi, người ta chỉ dùng 27 con vì có 9 chòi. Họ bỏ đi những con mang ý nghĩa và đại diện cho hình ảnh không mấy đẹp, trong ba ngày Xuân, hên đâu chưa thấy, lại gặp chuyện chẳng thường. Những con bỏ đi, không chơi là: *Nhì nghèo, Nhì bí, Đồ ruột*. Ngày trước, trong buổi chơi, có hô từng câu thai cho mỗi con bài được xóc, vừa rung, anh hiệu lẩy trong ống tre treo trên đầu cây cột ra:

Đi đâu xách gói đi hoài
Cử nhân chẳng thấy, tú tài cũng không
Nhứt trò
Một hai bậu nói rằng không
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người?
Tứ cẳng
Nhà quê mới xuống thị thành
Đi đâu cũng bí, loanh quanh tìm đường
Nhì bí
Đi đâu áo rách lang thang
Lại đây mua vải vá quàng dùm cho
Nhì nghèo
Mười tiên đi chợ hết hai
Tính đi, tính lại chẳng sai đồng nào
Tám tiên
Mười tiên đi chợ mua rau
Tính sau, tính trước thấy hao bốn tiên
Sáu tiên
Ra đi có vông, có dù
Ngựa xe đón rước, quân hầu hai bên
Thái tử

Mỗi khi chòi nào tới đủ ba con đúng như trong thẻ bài mà họ đã mua của ban tổ chức. Khi ấy có một thành viên trong Ban tổ chức cuộc chơi, trịnh trọng bung đến chòi có người tới cờ, đủ ba con bài ấy trong một khay vuông vức, khảm xa cừ óng ánh. Trong khay có một bình rượu nhỏ, một cái ly, một lá cờ tam giác màu hồng điều, tiền thưởng hoặc tặng phẩm, đồng anh hiệu hát mừng:

*Trước đèn rạng ánh bình minh
Sau đây kính chúc trần tình đôi câu
Chúc cho quý bác sang giàu
Bán buôn phát đạt, ghe bầu nghinh ngang
Cửa nhà đẹp khắp ba gian
Làm ăn thịnh vượng an khang đủ đều.*

Vui chơi giải trí bài chòi mang tính bình dân, gần gũi với tầng lớp lao động, không giống với lô tô, hay xổ số nhơn, mang tính cờ bạc, ăn thua. Do tính chất của bài về là mua vui trong những ngày lễ hội tết nên trong dân gian mới có bài về hóm hỉnh, những vần về rất thực tình, mà cái biếm hài sâu sắc, thật thú vị, dí dỏm và độc đáo sau đây:

*Ba ngày Xuân mụ có đi chơi
Chơi thì chơi, chớ để người ta khi
Bông me, bài kiệu tránh đi
Bài cào, bài câu chớ thì đừng có ham
Ham chi me lú túc tam
Đứng ở ngoài dòm, coi thật khó coi
Chẳng thà mụ đi đánh bài chòi
Dẫu tôi hết ruộng hết soi cũng đành
Vô trường, được kẻ kêu chi, người kêu anh*

*Kẻ trình thầy, người bầm thím, thơm danh con người
Trầu ăn, nước uống họ mời
Ở ngoài ngõ tới, được lời tặng khen
Có trống rồi lại có beng (phèng la)
Có dòn, có sáo, có cây kèn thổi te tò tí te
Có rượu rồi lại có chè
Gác chũn treo ngoáy ngời nghe câu bài
May dứt được cờ thứ nhất, rồi lại cờ thứ hai
Trống trong trường làng xô
Trống ở ngoài đánh cà lũng tung beng
Hiệu quân bung khay tiền, miệng họ hát vang
Chúc mừng năm mới bình an phát tài
Chúc cho phận gái, chí trai
Nam thanh nữ tú đứng ngoài lao xao
Mụ đừng ham chi xóc đĩa ào ào
Vô sòng kinh lộn mây, tao rầy rà
Đàn ông đứng lộn đàn bà
Bói chẵn, bói lẻ, mượn anh ba đặt dùm
Vô sòng nấu chụp lung tung
Mình sợ mất của lum khum chụp mò
Mất tiền lại mang tiếng xấu to
Khum lưng mà chụp, dơ “cái mo”, cho họ rờ!*

Rõ ràng là một bài về súc tích, đầy đủ, vẽ ra một không gian đối sánh rất thực tế. Phương ngữ “mụ” trong bài về, là một đặc trưng rất Quảng, mà chúng ta thường gặp. Phong Lệ cũng không ngoài phương ngữ mụ.

Và cũng rất rõ ràng như trong hát đối đáp huê tình, đôi khi các anh trai làng Phong Lệ “hát mạnh” đến mức các cô gái

làng Bình Thái bên cạnh, cách một con sông phải ngán ngẫm thốt lên:

*Hót cái l. quãng chũm xuống sông
Đẻ trai Phong Lệ hết phương rình mò.*

Sự đồng lòng, thuận việc của người dân làng Phong Lệ tạo cơ sở cho hằng năm vào những ngày tết nhứt, bài chòi được tổ chức cho nhân dân làng vui xuân đón tết. Hơn thế, về phía Hội đồng chư phái tộc làng Phong Lệ, các vị cao tuổi hưởng ứng nhiệt thành. Tất cả đã góp phần nên sinh hoạt văn hóa, văn nghệ làng xã phong phú từ bảy đến giờ. Nay làng Phong Lệ, hằng năm vẫn tiếp tục việc giữ gìn, phát huy và phát triển vốn văn nghệ dân gian thuần phác, dân dã này.

5. Lễ hội truyền thống

Đối với Quảng Nam – Đà Nẵng, vùng đất có rất nhiều các loại lễ hội: lễ hội gắn liền với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, lễ hội gắn liền với các nghề thủ công truyền thống, lễ hội gắn liền với tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội trong sinh hoạt, ...thì trước kia (trước 1936), tại làng Phong Lệ không một người dân nào lại không hòa vào giòng người rước Thần Nông trong lễ hội Mực đồng vào ngày mùng 1 tháng Tư hoặc mùng 1 tháng Năm âm lịch. Hoặc lễ hội đua ghe trên sông Cẩm Lệ hằng năm vào những ngày áp Tết nguyên đán cổ truyền 25 tháng Chạp âm lịch để vui cùng cộng đồng làng trong sinh hoạt hội hè. Lễ hội Rước hén trên sông Cẩm Lệ của người dân Đông Hòa vào mùng 10 tháng 3 âm lịch đã thu hút toàn thể bộ phận người dân có nghề sinh sống

trên môi trường sông nước tham gia. Đây là lễ hội cầu cho được mùa hén, dân no đủ an lành.

Ai về Phong Lệ thì về

Phong Lệ có nghề cào hén nuôi trâu.

Chính vì thế mà khi nói đến lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ thì không một người dân nào không biết, không tham gia mặc dầu đây là lễ hội do giới mục đồng tổ chức. Người dân trong làng bấy giờ là những người giúp việc cho giới chăn trâu. Tham gia lễ hội con người làng Phong Lệ cảm thấy hạnh phúc khi cất tiếng hô theo cùng vị trùm phu: *Hô chúng mục đồng Phong Lệ ta, rước vua Thần Nông về làng Phong Lệ ta. Xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng!* Đây là lời hô mời gọi Thần Nông về với dân làng.

Lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ là một lễ hội lớn xưa tại làng, diễn lại nhân dân rước Thần Nông dạo trên cánh đồng làng Phong Lệ. Đây được xem là lễ hội duy nhất tại đất Quảng và có lẽ duy nhất tại Việt Nam, bởi chưa thấy nơi đâu có lễ hội do giới mục đồng tổ chức rước Thần Nông dạo đồng như tại làng Phong Lệ. Và còn bởi chỉ có đình Thần Nông mới có kiến trúc những chiếc sừng trâu vươn cao lên nơi góc mái đình ⁴.

⁴ Tại làng Phước Thuận, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang cũng có mái đình nhọn nhô lên như chiếc sừng trâu dùng thờ Thần Nông (nay còn một phần-xem ảnh phần Phụ lục) nhưng không có lễ hội như làng Phong Lệ. Làng Phước Thuận xưa kia thuộc châu Đà Na, đình làng thờ thần Thành hoàng bốn xứ bảo an chính trực là Phan Công Thiên chi thần. Phan Công Thiên cũng là vị Tiên hiền lập ra làng Đà Sơn, Khánh Sơn. Theo bản *Đà Sơn, Đà Ly nhị xã Phan tộc phổ chí* (nay Đà Sơn thuộc phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, còn Đà Ly thuộc khu dân cư Phong Bắc 2, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

Lễ hội Mọc đồng là lễ hội cầu cho *vũ thuận phong điều*, được mùa no đủ, nhân dân an lạc.

Lễ hội Giáng Đông đầu vật được tổ chức tại làng Giáng Đông vào ngày nay là một thôn của xã Hòa Châu, huyện Hòa vang. Xưa kia Giáng Đông cũng là đất Phong Lệ lễ hội diễn ra cùng thời gian với mọc đồng nên người dân Phong Lệ có câu:

*-Nhứt Phong Lệ mọc đồng
Nhì Giáng Đông đầu vật.*

Về sau này khi đầu vật được bãi bỏ, người tứ lân quan khách và cả người Phong Lệ gọi là: *Nhì Giáng Đông hát vật*. Bởi trong lễ hội thường có mời gánh hát bội từ trong Duy Xuyên, Khánh Thọ, hay gánh hát Bàu Toa về làng hát đả đặng lực lượng siêu nhiên, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận sinh hoạt văn nghệ, đáp ứng nhu cầu thưởng thức của người dân.

Với nhiều phương thức phản ánh, người Phong Lệ, ca ngợi sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian của mình bằng những câu ca dao:

*- Gặp bạn đây phân giải cùng bạn đây
Ngao du lễ hội vợ ở nhà có la rầy chi không?
- Xưa bữa rày mặt cách đó đây,
Nhờ Mọc đồng lễ hội mới gặp nàng chón đây!
- Bạn ơi đừng thờ đừng than
Tâm nguu dự hội, giải khuây tấm lòng vàng!*

Hoặc là

Ai về Phong Lệ xã

*Cho em nhận trả đôi câu
Nhấn cùng bạn cũ ăn chơi đừng buồn.*

6. Học hành thi cử

Thời phong kiến, xã hội Việt Nam có hơn 80% người mù chữ, làng Phong Lệ ngày ấy cũng cùng tâm trạng như thế. Phần lớn người nông dân chân lấm tay bùn hoàn toàn mù chữ. Chữ Nho thời ấy được ưa chuộng và xem như đây là một thứ “quà tặng” của thánh hiền, nhưng không phải tặng cho ai cũng được mà thực sự những hộ gia đình nào nhiều lúa gạo mới có thể cho con em mình học thứ chữ ấy để mong có được một chân ông hương, ông lý trong làng. Phong Lệ thời Ông Ích Khiêm có thầy dạy Ông Văn Ngạn, học giỏi, thông minh nhưng thi cử nhiều lần không đậu nên về làng trụ bám mở trường dạy chữ Hán cho các sinh đồ. Thời ấy học hành không có trường lớp mà chỉ dạy tại nhà thầy, lớp đồng ấu ngồi xếp bằng trên chiếu khom lưng mà viết, lớp trên được ngồi trên phản có trải chiếu hoa viết chữ. Tài liệu giáo khoa thời ấy có Tam Tự kinh và Minh tâm bảo giám là những sách gối đầu giường của các sinh đồ. Ngoài ra có sách Tứ thư Ngũ kinh của nhà Nho được các thầy đem dạy cho học sinh. Người Phong Lệ cũng như người xứ Quảng, thường có nhiều người học hành tài cao đỗ đạt nên đất Quảng còn được mệnh danh là đất học, người Phong Lệ cũng nhờ đó thơm lây:

*- Không ham cái bị anh đây
Chỉ ham ba chữ làm thầy thế gian.*

Ông Ích Khiêm 16 tuổi đỗ cử nhân được vua Tự Đức khen tặng mấy chữ *Thiếu niên đăng cao khoa* đến lúc về làng nhân

dân Phong Lệ lại thêm *Phụ tử khả giáo* rất xứng đáng với truyền thống hiếu học của người làng Phong Lệ.

7. Trong đấu tranh chống ngoại xâm

Vốn văn học dân gian làng Phong Lệ phản ánh tinh thần yêu nước của người dân trong làng, có thể thấy Ông Ích Khiêm nêu cao tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm ngay từ khi thực dân Pháp đặt bước chân đầu tiên đến của Hàn. Giai thoại về Ông Ích Khiêm trong các trận chiến với địch vẫn còn sáng ngời tinh thần mưu trí, dũng cảm. Đánh giặc tuy thô sơ nhưng bất ngờ, cách đánh từ trong dân gian mà có như trận *Hủ đước* trên sông Cổ Cò (Lộ Cảnh Giang) đã làm quân Pháp lần đầu tiên nhìn thấy đội bập bùng băng sông tiến về đồn địch. Quân Pháp tại đồn Mỹ Thị hoang mang lo sợ và bỏ chạy. Hoặc bày binh bố trận đánh Pháp bằng phương thức ít ai nghĩ đến, vừa có kiến thức binh pháp nhưng cũng vừa vận dụng cách mai phục đánh định trong nhân dân, rút ra cách đánh từ trong chính bản thân cuộc sống hằng ngày trên cánh đồng quê Phong Lệ. Trận mai phục bằng *gióng mây* là một minh chứng cho cách đánh rất dân gian nhưng lại gây tổn thất lớn cho quân Pháp khi tiến sâu vào làng.

Ông Ích Đường là lãnh tụ những người yêu nước, quyết kháng thuế sưu cao đã bị quân Pháp dưới sự trợ giúp của Lãnh Diềm bắt được và chém ông tại chợ Túy Loan. Ông Ích Đường đã nêu cao nghĩa khí bằng câu nói bất hủ: *Giết Đường này còn Đường khác, bao giờ hết mía mới hết đường*.

Trong đấu tranh chống ngoại xâm, văn học dân gian phản ánh tinh thần ấy của người dân làng Phong Lệ:

- Hò ơ

Sách có câu”

“Gia bản tri hiếu tử,
Quốc loạn thức nhân tâm”

Nước nhà đang lúc gặp nạn ngoại xâm

Cha nghe lời quân bán nước nên lổi lầm theo Tây

Bỏ ông bà, cha mẹ lại đây

Bỏ vợ đang ốm yếu, lại bỏ bầy con thơ

(Là hò khoan)

Rồi thì: con nhớ đến cha, con khóc sững khóc sờ

Con đi lên đôn, con lại xuống bót, dật dờ lắm cha ơi

Gặp cơn đổ nước nghiêng trời

Gánh trung, gánh hiếu mong cha đừng lơi gánh nào

(Hò là khoan ờ)

Cha về đây cùng toàn thể đồng bào

Mà cùng dân tộc, cùng xây dựng phong trào Việt Nam

Đói no, lành rách cũng cam

Ơi mà, con có làm thuê, cuộc mưu sinh, con cũng quyết lòng
nuôi cha

(hò là khoan ời)

Cha về đây sum họp một nhà

Vợ với chồng đồng tịch, con với cha đồng sàng

Hay là cha xung phong vào Vệ quốc đoàn

Con thì dân quân du kích, mẹ thì nhập đoàn cứu thương

(Hò ơi)

Cả nhà ta phục vụ chiến trường

Con khuyên cha mau quay súng để tìm đường tự do

(Hò là hò khoan ời...) ⁵

⁵ Cụ Lê Văn Hà, 80 tuổi tại Hóa Khuê Đông, Ngũ Hành Sơn đọc, ghi năm 3003.

Và còn rất nhiều những câu hát hò khoan, ca dao, dân ca như vậy phản ánh tinh thần yêu nước của nhân dân Phong Lệ.

8. Trong lao động sản xuất

*-Sớm mai lên núi củi than,
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng.*

*- Đêm hè gió mát trăng thanh
Anh ngồi chẻ lạt cho em chắp thừng
Lạt chẻ mỏng cho thừng được tốt
Duyên đôi ta đã trót cùng nhau
Trăm năm thề những bạc đầu
Chớ ham phú quý đi cầu vinh hoa.*

*- Tiếng đờn con gái Miếu Bông,
Đảm trách thay chồng chăm sóc con ngoan.*

*- Trâu mô ăn cỏ đồng nấy,
Quen ruộng, quen cày, quen cấy giảm công.*

*- Tháng Giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai trông đậu, trông cà
Tháng ba thì đậu đã già
Ta đi ta hái về nhà phơi khô
Tháng tư đi tậu trâu bò
Để cho ta lại làm mùa tháng Năm
Buổi sáng đem lúa ra ngâm
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra
Gánh đi ta ném ruộng ta*

*Đến khi lêm mạ thì ta nhỏ về
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi
Nước ruộng vui mười còn độ một, hai
Ruộng thấp đóng một gàu giai
Ruộng cạn ta đóng đến hai gàu sòng.*

...

9. Trong tình yêu đôi lứa

Người Phong Lệ thể hiện tình yêu đôi khi mượn các làn điệu ca dao dân ca để thể hiện, ở đó có sự gói gắm tâm tình, thiết lập mối quan hệ qua lại giữa người với người. Chính đó đã tạo nên trong ca dao dân ca nơi đây tuy mộc mạc nhưng có các yếu tố thẩm mỹ trong lối sống, lối trao tình nam nữ. Đó là cái riêng của người Phong Lệ. Xuất phát từ tình cảm đẹp, thật thà lành mạnh của trai tráng lực điền mà phần lớn là giới chẵn trâu, cắt cỏ vẫn để lại dấu ấn văn hóa trên những bài ca dân dã. Giá trị nhân văn, nhân đạo chính là tinh thần là ước muốn vươn tới tình yêu, cuộc sống hạnh phúc, xây dựng gia đình làm cho làng quê phát triển đó chính là chân, thiện, mỹ của người dân. Qua gần sáu trăm năm, người Phong Lệ hình thành nên một hệ giá trị văn hóa có tính truyền thống với các yếu tố thẩm mỹ tương ứng qua lối sống, các mối quan hệ đa dạng giữa con người với các lực lượng siêu nhiên hài hòa, tự tin. Tình yêu nam nữ thường thể hiện trong những làn hát hò khoan đối đáp. Trong hát hò thể hiện tình cảm, người Phong Lệ mạnh mẽ đến nỗi các cô thôn nữ Cẩm Lệ phải thốt lên:

*- Hót cái l... quăng chũm xuống sông,
Để trai Phong Lệ hết phương rình mò.*

*-Phải chi anh chưa vợ
Hãy còn nợ còn duyên
Em cũng cây có yên
Nhu thuyền cây bánh lái
Ai ngờ không phân phải trái
Nhu lái nghịch với chèo
Thôi anh phải giữ lấy lèo
Đừng ham thả lỏng, hiểm nghèo anh ơi.*

Từ trung du Đồng Môn, Phước Thuận, xuôi đường truông về Cẩm Lệ ⁶, ta gặp ở đây cái hói Dừa, lời ca nghẹn lên gấp khúc, mà thanh:

...
*Nước sông đâu chảy xuống đâu đón mình làm ri
Chẳng qua gió đẩy mưa đùa
Xăm xăm bước tới hói Dừa gặp nhau.*

Rồi hình như cái tình còn xốn xao nhau dữ lắm, xuôi theo sông tí nữa, ta gặp:

*Thiếp đưa chàng đến bến đò Cẩm Lệ⁷
Phải chi không sợ cha, sợ mẹ*

⁶ Cẩm Lệ: là vùng đất bao gồm phần đất của ba xã Hòa Châu, Hòa Xuân, Hòa Thọ. Nay tên gọi Cẩm Lệ chỉ tồn tại trong dân gian.

⁷ Bến đò Cẩm Lệ: tức bến đò Nga.

*đưa thẳng đến Miếu Bông⁸
Tốn bao nhiêu tiền em chịu, bấy nhiêu công
chàng đền.*

Vậy đấy, từ những câu ca, ở phía nào ta cũng gặp dân mình thuở xưa tình tự:

*Lạy trời đừng nắng, đừng mưa
Âm u gió mát thiếp đưa chàng về
Chàng về tới đất Hồ Quê⁹
Xây lưng trở lại ủ ê gan vàng
Đêm nằm thờ thờ than than
Trông trời mau sáng lên đất Nghi An¹⁰
gặp mình.*

Xứ sở của "*Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông đầu vật*", ta gặp tình người trắc ẩn mà tao nhã, có khi các có nữa:

*- Giả đồ đi chợ Miếu Bông
Ghé vô thăm bạn, bạn không có nhà.
- Quê em biển mặn đồng chua,
Ai về bắt ốc mò cua thì về.*

Có phải dân mình ngày ấy lam lũ quá mà cái tình cũng không suôn sẻ để đến nỗi chỉ nghe toàn những lời ray rứt, chơi vơi ?

⁸ Miếu Bông: thuộc xã Hòa Phước, Hòa Vang, Tp Đà Nẵng.

⁹ Hồ Quê: nay là phường Khuê Trung, Đà Nẵng.

¹⁰ Nghi An: làng, thuộc xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang , Tp ĐN.

Không hẳn đã thế. Cũng ở cái làng Phong Lệ ấy, người dân mình có bi lụy đâu mà họ có trách nhiệm với tình người, thân phận của nhau. Đây là những âu lo, thể hiện nhân cách sống đẹp trong quan hệ tình người, không thờ ơ phó mặc, không lợi dụng:

*Bạn có về Phong Lệ xã
Cho em nhắn trả đôi lời
Nhắn cùng bạn cũ ăn chơi đừng buồn*

là đã tách bạch rõ ràng. Bên cạnh cái buồn, hẳn cũng có cái vui cốt cách đời thường, đâu chỉ trái ngang, đâu chỉ băng khuâng trong dạ tối ngày đâu. Lượm lại câu ca mà nghe vơi vơi tác lòng:

*Em phân với chàng tại đàng kiệt vắng
Chun chàng đờn đất bột, tay chàng rút đọt tre
Mấy lời chàng dặn em nghe rành rành...*

Đây ! Nào có buồn đâu, có khóc đâu !

Vậy đây, những bức thông điệp nhân cách thể hiện thang giá trị văn hóa của người dân Phong Lệ thuở xưa là thế, đơn giản, dễ nghe, dễ hiểu thông qua các nghệ nhân dân gian mà có. Chưa gặp trong lời ca lối thờ ơ, tắc trách, người xưa đã tìm nhiều con đường vươn tới chân, thiện, mỹ, trong đó những bài ca dao-dân ca là một trong những cách.

*- Thân em làm lẽ chẳng hề
Có như chánh thất mà lê giữa đường*

*Tối tối chị giữ cái buồng
Cho em mảnh chiếu nằm sông chuồng bò
Mong chồng, chồng chẳng đến cho
Đến khi chồng ghé gà ò ó o mát rồi.*

*-Chim chìa vôi bay ngang đám thuốc
Cá bả trầu lội tuốt mương sâu
Đâu anh đối thử cho mau
Em đây chịu khó đứng hầu lắng nghe.*

Đồng dao

*-Ru ru kiến kiến
Con kiến ở nhà
Con gà bươi bếp
Con rệp thắp hương
Chàn hiêu¹¹ bới tóc
Cá nóc cầm chèo
Co mè tát nước
Con vạc đi ăn
Mụ vắn đi chợ
Mua mật mua mỡ
Về cho kiến ăn
Làm nhà năm căn
Cho con kiến ở
Kiến không thềm ở
Kiến bỏ kiến đi.*

-Đúc cây dĩa

¹¹ Chàn hiêu (phương ngữ): tức con chàn hương.

*Chừa cây nạng
Cây lông ống
Cây bí đao
Cây nào cao
Cây nào thấp
Cây nào rập
Cây nào rà
Mông toi, bí đỏ
Quan văn, quan võ
Ăn cắp trứng gà
Bọ xa, bọ xít
Bò ra tay này
Mà gầy tay nọ
Mà bỏ tay ni !*

*-Đàn dê lên rừng
Thấy hang hổ xám
Thì dừng lại ngay
Hổ xám có nhà không?
Hổ xám còn rình môi!
Hổ xám rình môi chi?
Rình môi bắt đàn dê đầu đàn!
Dê đầu đàn húc lại?
Hổ xám rình bắt dê con!
Dê con chạy nhanh
Cả đàn che chở¹².*

-Trời mưa lâm râm

¹² Đồng dao được đọc cùng với trò chơi *Đàn dê lên rừng*.

Cây trâm có trái
Con gái có duyên
Đông tiền có lỗ
Bán tổ thiệt ngon
Bán bèo thiệt béo
Cái kéo thợ may
Cái cày làm ruộng
Cái xuống đắp bờ
Cái lò thả cá
Cái ná bắn chim
Cây kim may áo
Cái giáo đi săn
Cái khăn bịt đầu
Cái cầu đi chợ
Có vợ đàn ông
Có chồng con gái
Có trái mù u
Có khu bà già¹³
Có cha con nít.

-Tau đi ngô ni
Có bông có hoa
Mi đi ngô nó¹⁴
Có ma đón đường.

+Tau đi ngô ni

¹³ Khu: (phương ngữ xứ Quảng) là cái đít.

¹⁴ Ngô nó: như ngô kia.

*Có bụi chùm rùm¹⁵
Mi đi ngỗ nớ
Có hùm chụp mi.*

*-Vỗ tay
Vỗ chân
Bà cho
Ăn bánh
Không vỗ!
Bà xách
Đòn gánh
Bà đánh
Lên đầu
Bà xô
Xuống cầu
Bà cho
Ăn c...*

*-Hú mèo hú chuột
Hàm dưới quăng lên
Hàm trên quăng xuống
Răng cũ trả mi
Răng mới trả tau !¹⁶*

*-Đập máu đập mủ
Ông Thủ lẻ gai¹⁷*

¹⁵ *Chùm rùm*: tức bụi chùm rùm, cùm rùm (phương ngữ).

¹⁶ Trong lúc đọc đồng dao, trẻ nắm chiếc răng rụng quăng lên mái nhà.

¹⁷ Có trẻ em đọc là Ông thủ dễ gai!

*Mai lành,
Mốt đi chơi !¹⁸*

*-Xù xì
Ốc mít
Lùi tro
Ăn no
Té địt
Ba ông
Quan chánh
Xuống đánh
Thanh la
Bắt ra
Đứa địt¹⁹.*

*-Mủng thúng
Thùng xè
Ma le
Té địt²⁰.*

*-Vấn kèn vấn quyển
Bà Liên đi câu
Thả trâu ăn lúa
Thả bò ăn khoai
Kèn kêu, kêu kèn.*

¹⁸ Vừa dùng đoạn tre đập vào chỗ cây gai châm vào, vừa đọc đồng dao.

¹⁹ Trẻ vừa đọc đồng dao, vừa chỉ từng bạn, bạn nào trúng nhằm “đứa địt” là xem như trẻ ấy “làm xấu” trước mặt các bạn. Được một dịp hoan hô, vỗ tay vui vẻ.

²⁰ Cách như chú thích trên.

*-Rồng rắn lên cây
Cây có bóng mát
Có bà chủ nhà không?
Không
Có bà chủ nhà không?
Không
Có bà chủ nhà không?
Có!
Cho xin tí lửa
Lửa tắt!
Cho xin cái quạt
Quạt chưa mua!
Cho xin cái đũa
Cái đũa đựng trâu!
Cho xin cái đầu
Đầu cứng!
Cho xin khúc giữa
Giữa xương!
Cho xin cái đuôi
Đuôi mềm! Bắt được cái đuôi thì ăn!²¹*

*-Bứt lá khoai
Ba lá xà
Xà lá chi
Xà lá...²²*

²¹ Đồng dao được chuyển thành trò chơi *Rồng rắn lên cây*.

²² Muốn xà lá gì thì đọc tên lá ấy vào. Ví dụ xà lá mít. Đồng dao kèm với trò chơi.

-Huê... hò con nghe huê...uê...huê
Ăn no huê
Ham bú huê
Lạc bầy huê
Không biết đường về
Chuông cũ mà xưa
Để tau đi kiếm (ờ)
(là) hò con nghe ...huê...uê...huê.

-Huê...hò con nghe ...²³ (ờ) huê...uê...
Huê, huế huê bông ờ
Bông huê, huê huế ê... cà...à
Cà huê, huê huế ê nở... ờ...
Lạc bầy (mà) mà nhớ
Lạc mẹ (mà) mà trông
Chớ nhảy (ư) băng đồng
Thần nông (ư) vắn họng
(Là) hò con nghe huê...uê...huê...

²³ Đọc tên con nghe vào. Ví dụ: nghe lũ, nghe bình, nghe chòm, nghe vàng...